

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY SƠN LA

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

Số 06-TTCD/BTGTU

THÁNG 6 NĂM 2024

LƯU HÀNH NỘI BỘ

TRONG SỐ NÀY

1. Vị thế của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và vai trò của Việt Nam trong bối cảnh mới (PGS, TSKH Trần Khánh - TS Trần Lê Minh Trang, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Nguồn: Tạp chí Cộng sản)

2. Trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

(PGS, TS Nguyễn Thị Thanh Hải, Viện Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Nguồn: Tạp chí Cộng sản)

Nơi nhận: Báo cáo viên tỉnh uỷ; ban tuyên giáo (tuyên huấn) các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc.

I- VỊ THẾ CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Với nỗ lực gắn kết cộng đồng và giữ vững vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, vị thế của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày càng được củng cố. ASEAN đang là “điểm sáng” về phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 và là nơi giữ được thế cân bằng trước sức ép cạnh tranh và có xu hướng đối đầu giữa các nước lớn. Trong sự thành công đó, Việt Nam đóng vai trò quan trọng, nhất là góp phần duy trì sự thống nhất, giữ vững các nguyên tắc và định hình “luật chơi” của ASEAN.

1. Vị thế, tầm ảnh hưởng của ASEAN trong bối cảnh mới

1.1. Thế mạnh và cơ hội mới của ASEAN

Có thể thấy, vị thế của ASEAN được định vị hay xác định không chỉ bởi khả năng, nội lực vốn có, mà còn bởi tác động từ xu hướng biến đổi trong quan hệ quốc tế thông qua tương tác với thế giới bên ngoài, nhất là các đối tác của ASEAN. Trên thực tế, trải qua gần 60 năm tồn tại và phát triển (1967 - 2024), từ bước khởi đầu khiêm tốn, ASEAN đã thành công trong việc đưa khu vực Đông Nam Á từ chia rẽ, đối đầu, nghi kỵ lẫn nhau trở thành một cộng đồng khu vực của 10 quốc gia Đông Nam Á sống trong hòa bình, hội nhập và phát triển, ngày càng có vị thế, tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Hiện nay, ASEAN là một trong những khu vực được đánh giá là hấp dẫn nhất đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Năm 2022, ASEAN thu hút tới 17% nguồn vốn FDI của thế giới. Nếu năm 2010, dòng vốn FDI vào ASEAN chỉ đạt gần 76 tỷ USD, thì con số này đã tăng gấp ba lần, lên 224 tỷ USD vào năm 2022⁽¹⁾. Thị phần của ASEAN trong thương mại thế giới tăng từ khoảng 6,5% năm 2010 lên 7,5% vào năm 2021, nhanh hơn các khu vực khác⁽²⁾. Năm 2022, tổng sản phẩm nội địa (GDP) của ASEAN đạt trên 3.300 tỷ USD và bình quân đầu người đạt trên 5.000 USD. Dự báo đến năm 2027, GDP của ASEAN có thể đạt mức trên 4.000 tỷ USD và đến năm 2030, khoảng 60% dân số ASEAN có tiềm năng gia nhập tầng lớp trung lưu⁽³⁾. ASEAN đang được đánh giá là một thị trường tiêu thụ rộng lớn, là nền kinh tế lớn thứ năm thế giới.

Sự hiện diện và tầm quan trọng của ASEAN ngày càng mở rộng không chỉ đối với khu vực Đông Nam Á, mà còn vươn ra phạm vi toàn thế giới, nhất là ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. ASEAN đang thể hiện vai trò trung tâm thông qua các thể chế hợp tác đa phương do ASEAN dẫn dắt, như Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), ASEAN+1, ASEAN+3, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Cùng với các cơ chế hợp tác trong ASEAN, điển hình là Hiến chương ASEAN và Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, các cơ chế hợp tác đa phương trên đã và đang giúp ASEAN xử lý khá tốt mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích khu vực, lợi ích của khu vực với các đối tác bên ngoài, nhất là dung hòa lợi ích với các nước lớn, từ đó tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài cho duy trì an ninh và phát triển của ASEAN và các quốc gia thành viên, cũng như đóng góp quan trọng hơn cho hòa bình và phồn vinh ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Đáng chú ý, ASEAN và các quốc gia thành viên luôn nhận thức sâu sắc rằng Đông Nam Á và các quốc gia trong khu vực khó có thể tránh khỏi sự can dự và cạnh tranh ảnh hưởng từ các cường quốc bên ngoài. Do đó, ngay từ khi mới được thành lập, ASEAN đã chủ động thiết lập, mở rộng quan hệ với các nước lớn, theo đuổi chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa, đồng thời linh hoạt áp dụng các sách lược cân bằng. Trong những năm gần đây, ASEAN đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với hầu hết cường quốc hàng đầu thế giới, như Trung Quốc (năm 2021), Mỹ (năm 2022), Nhật Bản (năm 2023), Ấn Độ (năm 2023). Việc nâng cấp quan hệ đã giúp ASEAN bước đầu vượt qua thế “kẹt” từ sự gia tăng cạnh tranh, có xu hướng đối đầu giữa các nước lớn, nhất là Mỹ - Trung Quốc, góp phần duy trì vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình. Điều này được thể hiện một phần trong “Tài liệu về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (AOIP) của ASEAN đưa ra từ năm 2019, trong đó hoan nghênh Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở” (FOIP) của Mỹ, đồng thời nhấn mạnh, ASEAN mong muốn duy trì một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đối thoại và hợp tác thay vì đối đầu. ASEAN hy vọng tất cả đối tác và bạn bè, nhất là các nước lớn cùng tham gia hợp tác, cạnh tranh lành mạnh và “vai trò trung tâm” của ASEAN là nguyên tắc nền tảng để thúc đẩy hợp tác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời ASEAN tập trung củng cố và tối ưu hóa các cơ chế do ASEAN dẫn dắt, trong đó có EAS, ASEAN+1, ARF, ADMM+ cùng nhiều cơ chế khác⁽⁴⁾. Cách tiếp cận này giúp ASEAN giữ được sự cân bằng trong cạnh tranh địa - chính trị giữa các nước lớn để thu hút nguồn lực bên ngoài, duy trì an ninh, hợp tác và phát triển.

Bên cạnh đó, ASEAN từng bước củng cố sự đoàn kết trong nội bộ, nhất là trong ứng phó với các vấn đề nhạy cảm của khu vực. Năm 2020, dưới sự chủ trì của Việt Nam trong vai trò Chủ tịch ASEAN, ASEAN đã đạt được sự đồng thuận trong vấn đề Biển Đông, trong đó có việc soạn thảo và thông qua Bộ Quy tắc ứng xử Biển Đông (COC) phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982. Trong Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao ASEAN những năm tiếp theo, nội dung này tiếp tục được đề cập, góp phần gia tăng vị thế, sức mạnh của ASEAN trong hóa giải mâu thuẫn, xung đột đang nổi lên ở khu vực. Tháng 9-2023, ASEAN lần đầu tiên tiến hành tập trận chung ở khu vực Nam Biển Đông dưới sự chủ trì của In-đô-nê-xi-a, mà không có sự tham gia của các quốc gia phương Tây. Trong tình hình địa - chính trị phức tạp và bất ổn hiện nay, bằng động thái này, ASEAN đã thể hiện tính độc lập, tự chủ, trung lập cùng mong muốn duy trì môi trường hòa bình và ổn định ở khu vực Đông Nam Á.

Hiện nay, ASEAN đang là “điểm sáng” của tăng trưởng kinh tế và thu hút FDI. Tăng trưởng kinh tế của ASEAN trong năm 2023 đạt 4,4%⁽⁵⁾ và dự báo đạt khoảng 5% trong năm 2024 - vẫn giữ là một trong những khu vực có mức tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới (GDP của nền kinh tế thế giới chỉ đạt khoảng 3%)⁽⁶⁾. Hơn nữa, vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực tiếp tục được duy trì và củng cố. ASEAN không ngừng mở rộng và nâng cấp, làm sâu sắc hơn quan hệ với tất cả đối tác, kiên trì theo đuổi chiến lược đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, cân bằng chiến lược với các nước lớn. Cùng với đó, sự gia tăng can dự, cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc thông qua các dự án địa - chiến lược, như Sáng

kiến “Vành đai, Con đường” (BRI) của Trung Quốc và FOIP của Mỹ cũng góp phần làm gia tăng vị thế địa - chiến lược, tài nguyên địa - chính trị của ASEAN/Đông Nam Á nếu ASEAN và các nước thành viên ngày càng đoàn kết, tự chủ chiến lược và gia tăng khả năng thích ứng, cạnh tranh.

1.2. Khó khăn và thách thức của ASEAN

Do tác động của đại dịch COVID-19 và sự suy giảm của tiến trình toàn cầu hóa cũng như tình hình thương mại, đầu tư nội khối ít được cải thiện, việc thúc đẩy một “ASEAN hợp nhất” về kinh tế chưa thực sự đạt được kết quả như mong đợi. Thực tế cho thấy, dòng vốn FDI nội khối năm 2022 đạt khoảng 21 tỷ USD, chiếm 1/7 tổng số vốn FDI vào khu vực. Trong đó, sự phân bổ vốn FDI trong ASEAN không đồng đều, khi Xin-ga-po chiếm gần 60%. Trong khi đó, thương mại nội khối có xu hướng sụt giảm, chỉ chiếm khoảng 21% thương mại của ASEAN⁽⁷⁾

Tiếp đến là thách thức từ môi trường địa - chính trị, địa - kinh tế đang biến đổi phức tạp, khó lường. Các cơ chế do Mỹ thiết lập và đang theo đuổi, như Thỏa thuận hợp tác an ninh ba bên giữa Mỹ, Anh và Ô-xtrây-li-a (AUKUS), Nhóm “Bộ Tứ” (QUAD), Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF) hay việc Trung Quốc mở rộng hợp tác trên tất cả các mặt trong các cơ chế mà Trung Quốc đóng vai trò chính, như BRI, Hợp tác Mê Công - Lan Thương,... có thể làm suy yếu các thể chế hợp tác do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt. Cùng với đó, cuộc xung đột Nga - U-crai-na và các lệnh trừng phạt lẫn nhau cũng như xu hướng tập hợp lực lượng theo “phe”, “trục” giữa Mỹ, Trung Quốc và Nga đang gia tăng, có khả năng tiếp tục tác động tiêu cực đến sự đoàn kết của ASEAN, nhất là áp lực “chọn bên”, trong một số vấn đề quốc tế.

2. Phát huy vai trò, vị thế của Việt Nam trong ASEAN thời gian tới

2.1. Vai trò, vị thế của Việt Nam hiện nay

Trong gần 30 năm gia nhập ASEAN, Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự phát triển của Hiệp hội. Trước hết, sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN không chỉ giúp chấm dứt sự đối đầu ở khu vực Đông Nam Á từng tồn tại dưới thời kỳ Chiến tranh lạnh, mà còn là “hạt nhân” thúc đẩy sự thống nhất và đoàn kết khu vực bằng nỗ lực kết nạp các nước còn lại ở Đông Nam Á, bao gồm Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma, vào “ngôi nhà chung” ASEAN. Tiếp đến, Việt Nam không chỉ tích cực tham gia, phối hợp cùng các quốc gia thành viên ASEAN thúc đẩy sự hợp tác, liên kết nội khối, hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), mà còn chủ động đưa ra sáng kiến hình thành Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC), đưa tiến trình hội nhập ASEAN trở nên đa diện và bao trùm. Không chỉ vậy, Việt Nam còn tích cực, chủ động đưa ra nhiều sáng kiến mới góp phần củng cố các nguyên tắc, định hình “luật chơi” của ASEAN. Đơn cử như, trong thời gian đảm nhiệm cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2010, Việt Nam đã đưa ra sáng kiến mở rộng EAS để Nga và Mỹ tham gia, thành lập cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+). Tiếp đó, trên cương vị Chủ tịch ASEAN năm 2020, Việt Nam đã có những hành động kịp thời trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát, như thành lập Kho dự phòng vật tư y tế ASEAN và Trung tâm ASEAN ứng phó với các tình huống y tế

công cộng khẩn cấp và dịch bệnh mới nổi (ACPHEED); thông qua Quỹ ASEAN ứng phó với dịch bệnh COVID-19, Khung chiến lược ASEAN về ứng phó với các tình huống y tế công cộng khẩn cấp, Khung phục hồi tổng thể ASEAN. Cùng với đó, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (ASEAN-37), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã được ký kết; đặc biệt, lãnh đạo các nước đều quyết tâm và khẳng định cùng nhau xây dựng khu vực Biển Đông hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, dựa trên khuôn khổ luật pháp quốc tế, UNCLOS năm 1982. Những nỗ lực, đóng góp của Việt Nam đã và đang góp phần quan trọng vào duy trì, củng cố sự đoàn kết, thống nhất, thúc đẩy liên kết nội khối và mở rộng hợp tác quốc tế của ASEAN, giúp vị thế của ASEAN ngày càng trở nên quan trọng không chỉ đối với các quốc gia thành viên và khu vực, mà còn có tầm ảnh hưởng lớn trong các vấn đề quốc tế, nhất là vấn đề cân bằng chiến lược, thúc đẩy an ninh, hợp tác và phát triển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Những thành tựu đạt được sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước cùng tinh thần tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN đã và đang góp phần nâng cao thế và lực của Việt Nam trong ASEAN và trên thế giới. Theo đánh giá của Viện nghiên cứu Lowy (Ô-xtrây-li-a) năm 2023, Việt Nam xếp ở thứ 12/26 quốc gia và vùng lãnh thổ về sức mạnh tổng hợp quốc gia⁽⁸⁾. Việt Nam vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ mười ở khu vực châu Á⁽⁹⁾ và lớn thứ tư trong ASEAN với quy mô GDP trên 400 tỷ USD⁽¹⁰⁾; đồng thời, được xếp vào danh sách một trong 40 nền kinh tế hàng đầu thế giới và thuộc nhóm 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất toàn cầu⁽¹¹⁾. Dự báo đến năm 2030, Việt Nam có thể được xếp trong danh sách 29 nền kinh tế lớn nhất thế giới⁽¹²⁾. Đặc biệt, Việt Nam luôn chủ động và tích cực tham gia mạng lưới hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), RCEP..., qua đó góp phần nâng cao uy tín, tầm ảnh hưởng của đất nước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, năng lực quân sự của Việt Nam cũng gia tăng nhanh chóng. Theo đánh giá của Viện nghiên cứu Lowy (Ô-xtrây-li-a) năm 2023, Việt Nam xếp thứ 12/26 quốc gia và vùng lãnh thổ về năng lực quân sự ở châu Á⁽¹³⁾. Cùng với việc kiên trì theo đuổi nền quốc phòng hòa bình, tự vệ, Việt Nam đang nỗ lực “đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”⁽¹⁴⁾. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để Việt Nam thúc đẩy hợp tác quốc phòng - an ninh trong ASEAN.

Trong những năm gần đây, Việt Nam cũng được đánh giá là quốc gia có năng lực ngoại giao xếp thứ chín tại khu vực châu Á và xếp thứ hai trong ASEAN⁽¹⁵⁾. Đáng chú ý, ngoại giao Việt Nam không chỉ góp phần quan trọng trong đấu tranh chính trị, pháp lý về bảo vệ chủ quyền biển, đảo và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương, từng bước phát huy vai trò hòa giải các vấn đề quốc tế, trong đó có ASEAN. Việc Việt Nam tổ chức thành công Cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên lần thứ hai vào tháng 2-2019, đảm nhiệm và hoàn thành tốt vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020 và Ủy viên không thường trực Hội

đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021, nâng cấp quan hệ với Hàn Quốc (năm 2022) và với Mỹ (năm 2023) lên đối tác chiến lược toàn diện,... đã và đang mở rộng thêm không gian chiến lược, cũng như vị thế và vai trò của Việt Nam nói chung, nền ngoại giao Việt Nam nói riêng trên trường quốc tế, trong đó có ASEAN.

Việt Nam tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng biển và đất liền⁽¹⁶⁾, mở rộng không gian đối ngoại⁽¹⁷⁾ cùng với sự gia tăng can dự của các nước lớn vào khu vực Đông Nam Á trong những năm gần đây cũng làm tăng tính chiến lược của địa lý Việt Nam. Thêm vào đó, Việt Nam có nguồn lực con người lớn với dân số khá đông (gần 100 triệu người trong nước và khoảng 5 triệu người Việt Nam ở nước ngoài), nguồn nhân lực trẻ cũng là một lợi thế cho phát triển đất nước. Đặc biệt, sự ổn định về chính trị của Việt Nam chính là cơ sở nền tảng quan trọng nhất, bảo đảm cho an ninh, hội nhập và phát triển của đất nước, bao gồm việc nâng cao vị thế trong ASEAN.

Tuy nhiên, vai trò và vị thế của Việt Nam cũng đứng trước không ít thách thức. Đối với Trung Quốc, Nga và Mỹ - những đối tác chiến lược toàn diện, Việt Nam đều có mối quan hệ tốt, tuy nhiên trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, để có thể tự chủ chiến lược, cân bằng, hài hòa lợi ích với các nước lớn là thách thức lớn đối với đối ngoại Việt Nam hiện nay cũng như trong thập niên tới. Cùng với đó, sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch, sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống, như dịch bệnh, thảm họa thiên tai, an ninh mạng,... đang và sẽ tiếp tục tạo ra thách thức không nhỏ. Việt Nam là nước đang phát triển, còn hạn chế về nguồn lực, nhất là về công nghệ mới sẽ gặp khó khăn nhiều hơn trong ứng phó với các thách thức trên. Hơn nữa, Việt Nam vẫn chưa tạo dựng được một hệ thống đồng bộ và hiện đại về kết cấu hạ tầng. Các hạn chế này đang cản trở sự gia tăng nhanh chóng sức mạnh tổng hợp quốc gia nói chung, vị thế, sự đóng góp và tầm hưởng của Việt Nam trong ASEAN nói riêng.

2.2. Thúc đẩy vai trò của Việt Nam trong ASEAN trong bối cảnh mới

Lịch sử đã minh chứng, Việt Nam tham gia và ngày càng tích cực xây dựng, hoàn thiện Cộng đồng ASEAN không chỉ góp phần củng cố môi trường hòa bình, sự đoàn kết, thúc đẩy hợp tác, liên kết nội khối, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế và đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Đại hội XIII của Đảng (tháng 1-2021) đã chỉ rõ: “ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn”, vì vậy Việt Nam cần “chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Kông”, “chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng đoàn kết, vững mạnh, giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc an ninh khu vực”⁽¹⁸⁾. Do đó, với trách nhiệm quan trọng, trong thời gian tới, Việt Nam cần ưu tiên một số nội dung chính sau:

Thứ nhất, tiếp tục kiên trì, kiên định theo đuổi và bảo vệ các nguyên tắc cốt lõi của ASEAN, nhất là nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong bối cảnh sức ép “chọn bên” ngày càng gia tăng, việc kiên trì theo đuổi các nguyên tắc trên không chỉ giúp ASEAN duy trì đoàn kết nội khối, bảo

đảm sự bình đẳng cả về quyền lợi và trách nhiệm cho tất cả các nước thành viên, mà còn góp phần giảm thiểu tối đa xung đột địa - chính trị tại khu vực do cạnh tranh, đối đầu giữa các nước lớn.

Thứ hai, bên cạnh việc tiếp tục coi ASEAN là một trong những trụ cột của chính sách đối ngoại đa phương, Việt Nam cần sử dụng nhiều phương thức, kết hợp với các cơ chế khác nhau mà Việt Nam tham gia, như Liên hợp quốc, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), RCEP, CPTPP, Hợp tác Mê Công - Lan Thương,... để thúc đẩy kết nối kinh tế nội khối, duy trì sự đoàn kết, giữ vững vai trò trung tâm và chủ động của ASEAN trong các cấu trúc hợp tác đa phương mà ASEAN đã tạo dựng.

Thứ ba, cùng với ASEAN thực hiện phương châm “trung lập tích cực” trong quan hệ với các nước lớn; đồng thời, linh hoạt trong áp dụng “phương cách ASEAN”, nhất là nguyên tắc đồng thuận, trên một số vấn đề cụ thể.

Thứ tư, chủ động thực hiện các cam kết hoàn thiện Cộng đồng ASEAN, nhất là việc hướng đến xây dựng Tầm nhìn ASEAN sau năm 2025, trong đó chú trọng phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh, kết nối kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, công nghệ thông tin, tạo dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; tiếp tục đẩy mạnh quá trình hài hòa hóa hệ thống pháp luật của Việt Nam với các nước ASEAN.

Thứ năm, bên cạnh thúc đẩy liên kết kinh tế, kết nối chính phủ, kết cấu hạ tầng và ngoại giao nhân dân, Việt Nam cần nỗ lực đưa ra các sáng kiến mới thúc đẩy hợp tác an ninh ở khu vực, cả trên lĩnh vực an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.

Thứ sáu, tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, dự báo về xu hướng biến động trong chính sách đối nội, đối ngoại của từng quốc gia thành viên ASEAN, từ đó cung cấp cứ liệu khoa học cho thích ứng chính sách của Việt Nam.

Tựu trung, vị thế và tầm ảnh hưởng của ASEAN ngày càng có chiều hướng gia tăng, trong đó ASEAN đang là “điểm sáng” về phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 và là khu vực thích ứng khá tốt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn diễn biến hết sức phức tạp để tiếp tục giữ vững “vai trò trung tâm” cũng như duy trì môi trường hòa bình, sự đoàn kết trong ASEAN. Tuy nhiên, ASEAN cũng đứng trước những thách thức không nhỏ khi sự chia rẽ, phân mảnh của hệ thống chính trị và kinh tế thế giới đang tiếp diễn, đồng thời tính đoàn kết trong nội bộ ASEAN chưa thực sự cao.

Từ khi gia nhập ASEAN (năm 1995) đến nay, Việt Nam là một phần không thể tách rời của “ngôi nhà chung” ASEAN và khu vực Đông Nam Á. Việt Nam và ASEAN đã, đang và sẽ luôn gắn kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Thực hiện thắng lợi yêu cầu, nhiệm vụ về công tác đối ngoại trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Việt Nam sẽ góp phần không nhỏ vào tiến trình hợp tác, liên kết ASEAN và giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

II- TRÁCH NHIỆM TÔN TRỌNG QUYỀN CON NGƯỜI CỦA DOANH NGHIỆP THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM

Thương mại và quyền con người là hai lĩnh vực có mối quan hệ gắn bó mật thiết. Quyền con người ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của các chính phủ. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ngày càng ghi nhận doanh nghiệp như là một chủ thể nghĩa vụ quyền con người quan trọng. Do đó, phân tích mối quan hệ giữa thương mại và quyền con người là việc cần thiết nhằm làm rõ trách nhiệm xã hội và bảo đảm quyền con người của doanh nghiệp trong các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên.

1. Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và quyền con người

Quyền con người là các quyền vốn có của mỗi người, được ghi nhận là những giá trị, chuẩn mực phổ quát trong pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia. Ngày nay, tất cả 193 quốc gia thành viên của Liên hợp quốc đều đã có cam kết chính trị, pháp lý trong việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người thông qua việc ký kết các văn kiện, đặc biệt là các công ước quốc tế về quyền con người⁽¹⁾. Các quyền này cần được quốc gia ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và thực thi trong mọi bối cảnh, kể cả trong hoạt động thương mại, kinh doanh.

Theo nghĩa chung nhất, hiệp định thương mại tự do (FTA) là thỏa thuận giữa 2 hoặc nhiều quốc gia nhằm đồng ý về một số nghĩa vụ nhất định ảnh hưởng đến thương mại hàng hóa và dịch vụ, cũng như bảo vệ nhà đầu tư và quyền sở hữu trí tuệ, cùng các chủ đề khác⁽²⁾. Mục tiêu chính của các hiệp định thương mại là giảm hoặc loại bỏ các rào cản thương mại giữa các quốc gia thành viên. Theo thời gian, tính chất thuần túy thương mại của các FTA đã dần được thay thế bằng các “Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Điểm khác biệt cơ bản giữa các FTA truyền thống và FTA thế hệ mới là ở phạm vi và mức độ cam kết toàn diện và sâu rộng hơn, cơ chế thực thi chặt chẽ hơn, cơ chế giải quyết tranh chấp rõ ràng hơn và đặc biệt là sự bổ sung thêm nhiều quy định “phi thương mại”, trong đó có quy định về quyền con người.

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình toàn cầu hóa về thương mại, quyền con người là nội dung được thảo luận trong các vòng đàm phán thương mại cũng như được pháp điển hóa trong nhiều FTA song phương và đa phương. Đây được coi là những quy tắc mới của “luật chơi” thương mại toàn cầu và là cách tiếp cận của FTA thế hệ mới. Các quy định cụ thể về quyền con người được xuất hiện trong FTA thế hệ mới, nổi bật là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA). Các hiệp định này không điều chỉnh tất cả các quyền con người nhưng dựa trên các nguyên tắc cốt lõi của quyền con người và tập trung nhấn mạnh các quyền con người ở một số lĩnh vực liên quan. Cụ thể, bên cạnh các nội dung về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, hàng rào kỹ thuật thương mại thì các hiệp định này còn đề cập đến các nội dung về quyền con người.

Mặc dù hoạt động thương mại quốc tế đã có từ lâu nhưng FTA thế hệ mới chỉ được các quốc gia đàm phán và ký kết trong những năm gần đây. Xét về nguồn gốc,

cách tiếp cận về quyền trong thương mại có thể tìm thấy ở các văn kiện của Tổ chức thương mại quốc tế và hiệp định thương mại song phương giữa một số quốc gia. Chẳng hạn, quyền con người được ghi nhận ở Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 1994, qua các vòng đàm phán Doha với việc khẳng định phát triển là mục đích của thương mại. Trong lời nói đầu của Hiệp định thành lập WTO ghi nhận “thương mại phải được thực hiện với mục tiêu nâng cao mức sống, bảo đảm đầy đủ việc làm, một khối lượng thu nhập và nhu cầu thực tế lớn, phát triển ổn định; mở rộng sản xuất, thương mại hàng hóa và dịch vụ, trong khi đó vẫn bảo đảm việc sử dụng tối ưu nguồn lực của thế giới theo đúng mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ và duy trì môi trường...”⁽³⁾.

Đến FTA thế hệ mới, quyền con người được đưa vào như là những điều khoản có tính điều kiện hay là thậm chí điều khoản cốt yếu (essential clauses) và là mục tiêu cuối cùng của tự do thương mại. Quy định này nhằm khẳng định, hoạt động thương mại nói chung, hiệp định thương mại tự do nói riêng cần không gây trở ngại hay thậm chí không được phép vi phạm các chuẩn mực phổ quát về quyền con người. Cụ thể, đó là các thiết chế, thể chế được các quốc gia thành viên FTA thiết lập nhằm bảo đảm quyền con người trong các hoạt động thương mại.

Lời nói đầu của CPTPP khẳng định quyết tâm bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực lao động, cũng như tầm quan trọng của việc thúc đẩy các nguyên tắc về minh bạch, quản trị tốt và nhà nước pháp quyền đồng thời xóa bỏ hối lộ và tham nhũng trong các thương mại và đầu tư⁽⁴⁾. Theo đó, mục đích cuối cùng của CPTPP chính là bảo vệ quyền con người bằng cách “đem lại tăng trưởng kinh tế và lợi ích xã hội, tạo ra những cơ hội mới cho người lao động và doanh nghiệp, góp phần nâng cao mức sống, lợi ích người tiêu dùng, giảm nghèo và thúc đẩy tăng trưởng bền vững”⁽⁵⁾.

Đưa quyền con người vào FTA thế hệ mới với các quốc gia là một chủ trương nhất quán của Liên minh châu Âu (EU) trên cơ sở cách tiếp cận coi các quyền con người cơ bản là nguyên tắc chung của pháp luật⁽⁶⁾. Điều khoản về quyền con người là một phần không thể thiếu trong FTA thế hệ mới của EU trong những năm gần đây. Các FTA thế hệ mới mà EU đã ký với các nước, như Hàn Quốc, Singapore, Ukraine, Canada, Nhật Bản, Việt Nam... đều tái khẳng định cam kết của các quốc gia phê chuẩn hiệp định với nguyên tắc và chuẩn mực quyền con người được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945, Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người năm 1948, cũng như quyết tâm tăng cường các mối quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, trên khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, theo hướng lưu ý ở mức cao về bảo vệ môi trường, lao động và các thỏa thuận, tiêu chuẩn quốc tế có liên quan⁽⁷⁾. Nhiều FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA đều có các quy định trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến nghĩa vụ bảo đảm quyền con người, trong đó có các quyền trực tiếp liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp, như quyền lao động, quyền sở hữu trí tuệ, quyền về môi trường, phát triển bền vững, minh bạch và chống tham nhũng. Tính từ năm 1994 đến năm 2021, đã có 113 hiệp định thương mại song phương, khu vực, đa phương có quy định về quyền lao động. CPTPP hay EVFTA đều có quy định về các quyền lao động. Chương 19 của CPTPP và chương 13 của EVFTA đều cam kết bảo đảm

quyền tự do hội họp và quyền thương lượng tập thể; xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc; xóa bỏ lao động trẻ em và các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; xóa bỏ phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp và các vấn đề liên quan, như việc làm thỏa đáng, mức lương tối thiểu, giờ làm việc, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, thực thi pháp luật lao động, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đối thoại lao động... Đây là các quy định trực tiếp liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp. Ngoài ra, với mục tiêu thương mại phải bảo đảm phát triển bền vững, các FTA thế hệ mới cũng đưa ra các quy định nhằm ngăn ngừa vi phạm quyền con người trong một số lĩnh vực sau:

Quyền về môi trường: Các FTA thế hệ mới đều có điều khoản riêng về trách nhiệm bảo vệ môi trường và thực thi có hiệu quả pháp luật về môi trường, cũng như tăng cường năng lực của các bên để giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến thương mại. Theo EVFTA, các bên tham gia Hiệp định cần “khuyến khích mức độ bảo hộ cao đối với các lĩnh vực môi trường thông qua nỗ lực cải thiện các quy định luật pháp, chính sách và giải quyết các mối đe dọa cấp bách của biến đổi khí hậu.

Quyền sở hữu trí tuệ: Chương 18 của CPTPP và chương 12 của EVFTA đưa ra các quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định rõ ràng về sự cân đối giữa việc bảo hộ thương mại đối với quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ nền y tế công, đặc biệt là quyền tiếp cận thuốc điều trị. Cụ thể, việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ theo các hiệp định thương mại cần không được gây trở ngại cho việc thực hiện các biện pháp để bảo vệ nền y tế công cộng của các quốc gia theo Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và bảo đảm sự cân đối giữa việc thúc đẩy sự phát triển các loại thuốc chữa bệnh mới cũng như việc phổ biến các thuốc gốc.

Ngoài ra, FTA của một số quốc gia cũng có các điều khoản về một số vấn đề, như minh bạch và chống tham nhũng, bình đẳng giới, xóa đói, giảm nghèo... Chẳng hạn, các hiệp định thương mại của Canada với một số quốc gia, như Hiệp định thương mại tự do Canada - Chile, Hiệp định thương mại tự do Canada - Israel có chương riêng về thương mại và giới⁽⁸⁾.

Các khía cạnh khác của quyền con người cũng được thể hiện thông qua yêu cầu thành lập các cơ quan, cơ chế giám sát theo FTA liên quan đến quyền lao động, môi trường, phát triển bền vững. Theo CPTPP, để thực hiện quyền lao động, các quốc gia thành viên cần thành lập đầu mối liên lạc để giải quyết các vấn đề liên quan việc thực hiện chương 19; thành lập hoặc duy trì nhóm tham vấn với cơ quan tư vấn lao động quốc gia hay bảo đảm để có sự tham gia của công chúng. Hiệp định thương mại tự do Canada và Chile yêu cầu các bên cần thành lập ủy ban về giới và thương mại nhằm thúc đẩy thực hiện hiệu quả bình đẳng giới trong các hoạt động thương mại⁽⁹⁾.

2. Quá trình ghi nhận trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp trong các hiệp định thương mại thế hệ mới

Vấn kiện quan trọng xác lập khuôn khổ quốc tế về kinh doanh và quyền con người là các Nguyên tắc hướng dẫn của Liên hợp quốc về kinh doanh và quyền con người năm 2011 (UNGP) khẳng định sự cần thiết phải ghi nhận trách nhiệm quyền

con người của doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại, đầu tư. Theo UNGP, “nhà nước cần duy trì không gian chính sách trong nước phù hợp để đáp ứng các nghĩa vụ về quyền con người trong khi theo đuổi các mục tiêu chính sách về thương mại và kinh doanh với các quốc gia khác hoặc với doanh nghiệp, ví dụ thông qua các hiệp định hoặc hợp đồng đầu tư”. Nguyên tắc này nhấn mạnh rằng, việc ký kết FTA hay hiệp định đầu tư cần không được gây nên hạn chế, trở ngại trong việc thực hiện nghĩa vụ về quyền con người của các quốc gia. Bên cạnh các quy định về bảo hộ thương mại, đầu tư, thì nhà nước cần bảo đảm và bảo vệ quyền con người. Trên cơ sở nguyên tắc đó, nhiều quốc gia đã tiến hành các biện pháp khác nhau nhằm ghi nhận và thực hiện trách nhiệm quyền con người của doanh nghiệp trong hoạt động thương mại. Một trong những biện pháp được thực hiện là thông qua các kế hoạch hành động quốc gia (NAP). Tính đến tháng 8-2023, 32 quốc gia đã xây dựng kế hoạch hành động quốc gia của mình, trong đó nhiều quốc gia đã đưa ra các hoạt động nhằm bảo đảm trách nhiệm xã hội, quyền con người của doanh nghiệp trong thương mại, đầu tư. Kế hoạch hành động của một số quốc gia còn đưa ra yêu cầu và đề xuất các chương trình hành động để thúc đẩy trách nhiệm của doanh nghiệp trong các hiệp định thương mại.

3. Một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam

Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 224 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký hơn 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư⁽¹⁰⁾. Tính đến tháng 8-2023, Việt Nam đã đàm phán, ký kết và thực thi 17 FTA, trong đó có các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và UKFTA⁽¹¹⁾. Các hiệp định mang lại nhiều cơ hội kinh doanh, đặc biệt là hoạt động kinh doanh, xuất - nhập khẩu cho doanh nghiệp Việt Nam. Sau khi CPTPP được thực thi, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Canada, Mexico và Peru đã tăng lên mức 25-30%/năm⁽¹²⁾. Tại Việt Nam, có 54% các doanh nghiệp cho biết, các FTA đã mang đến tác động tích cực tới hoạt động kinh doanh trong thời gian qua⁽¹³⁾.

Rà soát nội dung của các FTA của Việt Nam với các quốc gia, khu vực khác cho thấy, các quy định về kinh doanh có trách nhiệm quyền con người chủ yếu được đề cập trong hai văn kiện chính là CPTPP và EVFTA. Mặc dù không có điều khoản trực tiếp về trách nhiệm quyền con người trong kinh doanh và sự vi phạm dẫn trực tiếp UNGP, nhưng cả 2 hiệp định thương mại tự do này đều có điều khoản riêng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các quy định về quyền con người trong các lĩnh vực trực tiếp liên quan đến hoạt động sản xuất, đầu tư, thương mại của doanh nghiệp, như lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ, đầu tư. CPTPP có quy định cụ thể về trách nhiệm xã hội tại Điều 19.7 là “Mỗi bên sẽ nỗ lực khuyến khích các doanh nghiệp tự nguyện thông qua các sáng kiến trách nhiệm xã hội về các vấn đề lao động đã được Bên đó xác nhận hoặc hỗ trợ”. Điều 19.10 của Hiệp định này tiếp tục kêu gọi các quốc gia thành viên cần “hợp tác để thúc đẩy doanh nghiệp bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; hợp tác về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”.

EVFTA cũng yêu cầu các bên cam kết bảo đảm “thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, với điều kiện các biện pháp liên quan không được gây ra sự phân biệt đối xử tùy tiện và vô lý giữa các bên hoặc tạo thành một phương thức hạn chế

thương mại trá hình”⁽¹⁴⁾. Hiệp định này cũng yêu cầu các thành viên cần có “các biện pháp thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm các trao đổi về thông tin và thực hành tốt, các hoạt động giáo dục và đào tạo và tư vấn kỹ thuật”⁽¹⁵⁾; trên cơ sở tuân thủ các văn kiện quốc tế có liên quan đến trách nhiệm quyền con người trong kinh doanh: Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế cho các doanh nghiệp đa quốc gia, Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc và Tuyên bố ba bên của Tổ chức Lao động quốc tế về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội.

Như vậy, nội dung của CPTPP và EVFTA đề cập đến trách nhiệm quyền con người trong kinh doanh thông qua việc ghi nhận nghĩa vụ của cả hai chủ thể là doanh nghiệp và nhà nước. Đây là cam kết mà Nhà nước và doanh nghiệp Việt Nam cần tuân thủ để thực hiện, phù hợp với pháp luật của Việt Nam, bảo đảm an ninh kinh tế và lợi ích quốc gia - dân tộc. Khảo sát năm 2022 của VCCI cho thấy, 46,4% số doanh nghiệp Việt Nam tự nhận thức được lực cản, hạn chế lớn nhất của mình chính là những hạn chế về năng lực cạnh tranh bản thân⁽¹⁶⁾. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu đang có nhiều diễn biến mới, việc thực hiện trách nhiệm xã hội và quyền con người được coi là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam là cần có nhận thức và cách tiếp cận toàn diện hơn về trách nhiệm quyền con người, coi đây không chỉ là hoạt động từ thiện, mà là một cam kết, nghĩa vụ pháp lý nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, cả CPTPP và EVFTA đều đưa ra quy định về cam kết thực hiện quyền về môi trường, quyền tiếp cận thuốc, các tiêu chuẩn lao động quốc tế cho người lao động, việc làm thỏa đáng cho mọi người, bảo trợ xã hội các nhóm yếu. Việc thực hiện các cam kết này đòi hỏi nỗ lực quan trọng từ Nhà nước để đưa ra quy định pháp luật, chính sách, kế hoạch để thực hiện cam kết trách nhiệm quyền con người trong các FTA. Bên cạnh các biện pháp về lập pháp, hành pháp, tư pháp của Nhà nước, thì doanh nghiệp cũng là chủ thể có nghĩa vụ quan trọng. Bởi lẽ, trong bối cảnh thương mại và đầu tư hiện nay, khi các quyền con người bị xâm hại, doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp về uy tín, thương hiệu và phát triển.

Có thể khẳng định, FTA thế hệ mới mang lại nhiều cơ hội về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư cho các bên tham gia, đặc biệt là các quốc gia có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam. Doanh nghiệp Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ các hiệp định này nhờ việc tiếp cận với cơ hội đầu tư, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng đưa ra các điều khoản phi thương mại về trách nhiệm quyền con người, đặc biệt là quyền của người lao động đối với nhà nước và doanh nghiệp. Việc điều chỉnh khuôn khổ chính sách và hành vi kinh doanh theo hướng tôn trọng quyền con người là trách nhiệm mà doanh nghiệp Việt Nam cần cam kết thực hiện, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Chính phủ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết, trong đó có các quy định “phi thương mại” tiên bộ của các FTA thế hệ mới, trên cơ sở hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế và lợi ích quốc gia - dân tộc./.